

Số: 115 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Thiều, xã Đông Văn, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1349/2012/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 29/TTr-STNMT ngày 08 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Thiều, xã Đông Văn, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Minh Hương; địa chỉ: số 109, phố Cao Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm lần đầu:

- $G = 25.000$ đồng/ m^3 đối với đất san lấp, đắp công trình.

- $G = 65.000$ đồng/ m^3 đối với đá làm VLXD thông thường.

c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền:

$$Q = Q_1 + Q_2 + Q_3;$$

Trong đó:

- Trữ lượng khoáng sản (quy ra trữ lượng địa chất) đơn vị đã khai thác từ ngày 01/07/2011 đến 31/12/2013 gồm: 79.193 m^3 đá làm VLXD thông thường và 72.216 m^3 đất, đá thải. Trữ lượng này hiện chưa tính tiền cấp quyền khai thác

theo nội dung Công văn số 1014/ĐCKS-KTĐCKS ngày 09/7/2014 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

- Q_1 là trữ lượng (quy ra trữ lượng địa chất) của đá làm VLXD thông thường đơn vị đã khai thác từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 là 21.876 m³. Như vậy, $Q_1 = 21.876 \text{ m}^3$;

- Q_2 là trữ lượng (quy ra trữ lượng địa chất) của đất, đá thải đơn vị đã khai thác từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 là 18.199 m³. Như vậy, $Q_2 = 18.199 \text{ m}^3$;

- Q_3 là trữ lượng (quy ra trữ lượng địa chất) của đá làm VLXD thông thường đơn vị được phép khai thác đến ngày 31/12/2017 là 88.889 m³ (theo Văn bản số 2009/SXD-VLXD ngày 04/5/2015 của Sở Xây dựng và Quyết định số 168/QĐ-PADADT ngày 08/5/2015 của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Minh Hương thì công suất khai thác mỏ là 40.000 m³/năm và thời gian khai thác đến 31/12/2017); Như vậy, $Q_3 = 88.889 \text{ m}^3$.

d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$;

đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: $K_2 = 1,0$;

e) Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- $R = 4\%$ (đối với than bùn và các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại);

- $R = 5\%$ (Đối với VLXD thông thường dùng cho san lấp đá, cát, đất);

f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp (chưa tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đơn vị đã khai thác từ ngày 01/7/2011 đến ngày 31/12/2013) là:

$$T = T_1 + T_2;$$

Trong đó:

- T_1 là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đá làm VLXD thông thường (giá tối thiểu tính thuế tài nguyên đối với đá làm VLXD thông thường giữ nguyên là 65.000 đồng/m³ tại Quyết định số 1349/2012/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 và Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh), cụ thể:

$$T_1 = ((Q_1 + Q_3) \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = ((88.889 \text{ m}^3 + 21.876 \text{ m}^3) \times 65.000 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 4\%) = 259.188.800 \text{ đồng};$$

- T_2 là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đất, đá thải đơn vị đã khai thác từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (thời điểm đang thực hiện giá tối thiểu tính thuế tài nguyên theo Quyết định số 1349/2012/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa), cụ thể:

$$T_2 = (Q_2 \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = (18.199 \text{ m}^3 \times 25.000 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 5\%) = 20.473.750,0 \text{ đồng};$$

$$\text{Như vậy } T = T_1 + T_2 = 259.188.800,0 \text{ đồng} + 20.473.750,0 = 279.662.550 \text{ đồng};$$

g) Số tiền tạm thu cấp quyền khai thác khoáng sản Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Minh Hương đã nộp là:

$$T_3 = 955.200.000 \text{ đồng};$$

h) Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn lại đơn vị được Nhà nước thoái trả:

$T_4 = T - T_3 = 279.662.550 \text{ đồng} - 955.200.000 \text{ đồng} = - 675.537.450 \text{ đồng}$
(Sáu trăm bảy lăm triệu, năm trăm ba bảy nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).
Sau khi Chính phủ có văn bản chỉ đạo về việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khối lượng khoáng sản đã khai thác từ ngày 01/7/2011 đến ngày 31/12/2013, UBND tỉnh mới thoái trả cho đơn vị.

2. Hoàn trả kinh phí thăm dò:

Mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Thiều, xã Đông Văn, huyện Đông Sơn không thăm dò trữ lượng khoáng sản do chỉ được cấp ngắn hạn đến ngày 31/12/2017. Vì vậy, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Minh Hương không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

Sau khi có chỉ đạo của Chính phủ về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với phần trữ lượng khoáng sản đã khai thác từ ngày 01/7/2011 đến ngày 31/12/2013, giao Sở Tài chính phối hợp với Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa tham mưu UBND tỉnh hoàn trả số tiền cấp quyền Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Minh Hương được thụ hưởng theo quy định.


Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn, Chủ tịch UBND xã Đông Văn, huyện Đông Sơn, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Minh Hương, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, KTTC, CNXDGT.
QDKP 16-007

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn